

Bản án số: **141/2022/HS-ST**

Ngày: 26-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Trần Trung Nam

+ Bà Lê Thị Nhớ

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quỳnh Như

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 127/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Cao Văn H, tên gọi khác: Sư Minh T, sinh năm 1988 tại thành phố H; nơi ĐKKHKT: Không rõ; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp:

Lao động phổ thông; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không rõ; con bà: Không rõ.

Tiền án: Ngày 20/12/2017, bị TAND huyện Đ, tỉnh B xử phạt 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999. Bị cáo chấp hành xong hình phạt, ra tù ngày 17/6/2019.

Tiền sự: Không.

Bị cáo Cao Văn H bị bắt tạm giam ngày 09/5/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận T, thành phố Đ (*Có mặt tại phiên tòa*).

- Bị hại:

+ Anh Nguyễn H1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 23 N, quận L, thành phố Đ (*Vắng mặt*).

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1992; Địa chỉ HKTT: Tổ 44, phường H, quận L, thành phố Đ; Chỗ ở: Số 90 L, quận L, thành phố Đ (*Vắng mặt*).

+ Anh Lê T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 62 L, phường H, quận C, thành phố Đ (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2019, Cao Văn H đến xin việc làm tại cơ sở rửa xe ô tô T – số 23 N, thành phố Đ do chị Nguyễn Thị H2 làm chủ. Đến cuối tháng 12/2019, H có ý định rời Đ để vào miền Nam sinh sống, nhưng H mồ côi cha mẹ, từ nhỏ sống lang thang, không có giấy tờ cá nhân, không có tiền nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản mang đi cầm cố lấy tiền. Sau đó, H lấy trộm giấy đăng ký xe mô tô hiệu SH đứng tên Nguyễn Thị H2 và giấy chứng minh nhân dân của anh Nguyễn H1 rồi dán ảnh của H vào nhằm mục đích sử dụng thông tin lai lịch của anh H1 để cầm cố xe. Đến khoảng 12 giờ ngày 25/12/2019, H rủ anh H1 đi uống cà phê, anh H1 đồng ý lấy SH, biển kiểm soát 74F1-234.57 của chị H2 chở H đến quán cà phê số 183 C, phường A, quận T, thành phố Đ. Tại đây, H giả vờ hỏi mượn anh H1 chiếc xe mô tô 74F1-234.57 đi công việc thì anh H1 đồng ý. Có được xe, H điều khiển xe đến tiệm cầm đồ “K” ở 62 L, phường D, quận C, thành phố Đ do anh Lê T làm chủ để cầm cố chiếc xe trên. Tại đây, H sử dụng giấy chứng minh nhân dân của anh H1 đã được dán ảnh của H vào cùng giấy đăng ký xe của chị H2 để làm thủ tục cầm cố chiếc xe trên được 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*). Sau đó, H ra bến xe Đ bắt xe khách bỏ trốn vào tỉnh Đ. Anh H1 chờ không thấy H quay lại trả xe và gọi điện thoại không liên lạc được nên báo cho chị H2 biết. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, chị H2 và anh H1 đến Công an phường A, quận T trình báo sự việc.

Qua truy xét, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã xác định được Cao Văn H là đối tượng đã thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô 74F1-234.57.

Tại Cơ quan Công an, H khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên đồng thời tự nguyện giao nộp 01 (một) thẻ CCCD số 045085016798 cấp ngày 24/3/2020, mang tên Nguyễn H1, sinh ngày 17/02/1985 với hình ảnh của H, nơi thường trú: H, H, Q. H khai cung cấp thông tin cho một người không rõ lai lịch qua mạng xã hội Facebook để làm giả căn cước công dân này. Khi có được thẻ căn cước công dân, H cất giấu trong người và sử dụng khi cần đến.

Tại Bản Kết luận định giá ngày 26/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự quận T xác định xe mô tô hiệu Honda SH125, BKS: trong 74F1-23457 có giá trị: 84.000.000 đồng (*Tám mươi tư triệu đồng*).

Tại Bản Kết luận giám định số 953/KL-KTHS ngày 26/8/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đ kết luận: Căn cước công dân số 045085016798 cấp ngày 24/3/2020, mang tên Nguyễn H1, sinh ngày 17/02/1985, nơi thường trú: H, H, Q là căn cước công dân giả.

Đối với 01 giấy Chứng minh nhân dân (bản photô) mang tên Nguyễn H1 có hình ảnh của H do H sử dụng trong quá trình cầm cố xe mô tô do anh Lê T giao nộp. Phòng kỹ thuật hình sự, Công an TP. Đ có Công văn trả lời về việc không tiến hành giám định tài liệu photô.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH125, BKS: 74F1- 23457 (*thu giữ tại tiệm cầm đồ K - đã xử lý trả cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị H2*) theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 22 ngày 16/01/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, BKS: 29T9-7555, số máy: 2B56009491, số khung: không rõ (*do H bỏ lại tại nơi làm việc*). H khai mua chiếc xe này của một người không rõ lai lịch và sử dụng làm phương tiện đi lại. Qua tra cứu biên kiểm soát xác định chủ sở hữu là X (*địa chỉ: làng T, xã T, huyện T, TP. H*). Qua tra cứu số máy xác định chủ sở hữu là anh Nguyễn Huy T (*địa chỉ: làng T, xã T, huyện T, TP. H*). Hiện nay cơ quan điều tra chưa làm việc được với anh D và anh T để xác định nguồn gốc xe, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T tiếp tục tạm giữ xe để xác minh làm rõ xử lý sau.

- 01 (một) thẻ Căn cước công dân số 045085016798 cấp ngày 24/3/2020 mang tên Nguyễn H1, sinh ngày 17/02/1985, nơi thường trú: xã H, huyện H, tỉnh Q.

- 01 (một) đĩa DVD có lưu trữ hình ảnh Cao Văn H vào thời điểm cầm cố xe tại tiệm cầm đồ K.

Trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu đền bù gì thêm.

- Anh Lê T yêu cầu H bồi thường số tiền 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*). H chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số 130/CT-VKS ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân quận T, thành phố Đ đã truy tố bị cáo Cao Văn H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Cao Văn H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, xử phạt bị cáo mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng: khoản 1 Điều 341; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Cao Văn H phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; xử phạt bị cáo mức án 06 - 12 tháng tù.

+ Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Cao Văn H.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên: Tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án: 01

(một) thẻ Căn cước công dân số 045085016798 cấp ngày 24/3/2020 mang tên Nguyễn H1, sinh ngày 17/02/1985, nơi thường trú: xã H, huyện H, tỉnh Q; 01 (một) đĩa DVD có lưu trữ hình ảnh Cao Văn H vào thời điểm cầm cố xe tại tiệm cầm đồ K.

Tại phiên tòa, bị cáo Cao Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Cao Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 12 giờ ngày 25/12/2019, tại quán cà phê số 183 C, phường A, quận T, thành phố Đ, Cao Văn H dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô hiệu Honda SH, biển kiểm soát 74F1-234.57 có giá trị 84.000.000 đồng của anh Nguyễn H1. Đồng thời vào khoảng đầu năm 2020, H cung cấp thông tin cho đối tượng (*chưa rõ nhân thân lai lịch*) trên mạng xã hội và đặt làm 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn H1 với hình ảnh của H, rồi cất giấu trong người và sử dụng khi cần đến.

Hành vi của Cao Văn H đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" với số tiền chiếm đoạt 84.000.000 đồng theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận T truy tố đối với bị cáo Cao Văn H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo thì thấy:

Bị cáo là người có sức khỏe và việc làm nhưng vì muốn có tiền tiêu xài và thay đổi nơi sinh sống nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội nghiêm trọng - dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại nhằm thu lợi bất chính. Đồng thời, để có giấy tờ tùy thân làm lai lịch cho mình bị cáo đã đặt làm giả một căn cước công

dân để thuận tiện khi cần thì sử dụng đến. Các hành vi này của Cao Văn H đã xâm phạm mối quan hệ tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước nên bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm mục đích răn đe, giáo dục.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự cho cả 02 tội.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho cả 02 tội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo trong cả 02 tội.

[6] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để giải quyết:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH125, BKS: 74F1- 23457 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị H2 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án 01 (một) thẻ Căn cước công dân số 045085016798 cấp ngày 24/3/2020 mang tên Nguyễn H1, sinh ngày 17/02/1985, nơi thường trú: xã H, huyện H, tỉnh Q; 01 (một) đĩa DVD có lưu trữ hình ảnh Cao Văn H vào thời điểm cầm cố xe tại tiệm cầm đồ K.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự buộc bị cáo Cao Văn H phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt của anh Lê T – chủ tiệm cầm đồ K số tiền là 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

[8] Đối với người làm giả căn cước công dân cho Cao Văn H, đến nay vẫn chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận T, thành phố Đ tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[9] Án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Cao Văn H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Xử phạt: Bị cáo Cao Văn H **03** (ba) năm tù.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 341; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Cao Văn H phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; Xử phạt bị cáo **09** (chín) tháng tù.

- Căn cứ: Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Cao Văn H là **03** (ba) năm **09** (chín) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09 tháng 5 năm 2022.

2. Xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án 01 (một) thẻ Căn cước công dân số 045085016798 cấp ngày 24/3/2020 mang tên Nguyễn H1, sinh ngày 17/02/1985, nơi thường trú: xã H, huyện H, tỉnh Q; 01 (một) đĩa DVD có lưu trữ hình ảnh Cao Văn H vào thời điểm cầm cố xe tại tiệm cầm đồ K.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Cao Văn H phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho anh Lê T là 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự.

4. Án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Cao Văn H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm là 1.750.000 đồng (*Một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

5. Quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo Cao Văn H, người TGTT;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thanh Khê;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Khê;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an Thanh Khê;
- Cơ quan thi hành án hình sự CA Đà Nẵng;
- Nhà tạm giữ Công quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Ánh